

Số: 3361 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 5 năm 2014

SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	
ĐẾN	Số: 1002
	Ngày: 12/5/14
	Chuyển: Ông: SVUOL (CĐ)
	Lưu hồ sơ số: A 1002

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý, sử dụng Phần mềm Quản lý thông tin các cơ sở kinh doanh karaoke, bar, vũ trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Handwritten mark)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 1382/SVHTTDL-VP ngày 22 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý, sử dụng Phần mềm Quản lý thông tin các cơ sở kinh doanh karaoke, bar, vũ trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

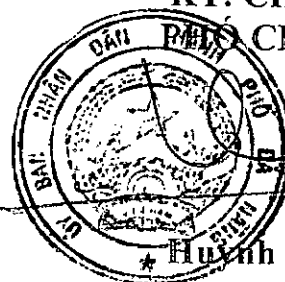
Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công an thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND thành phố;
- Lưu: VT, VX.

72

**KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)
Huyñh Đức Thọ

QUY CHẾ

**Phối hợp quản lý, sử dụng Phần mềm Quản lý thông tin
các cơ sở kinh doanh karaoke, bar, vũ trường
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3361/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2014
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chi tiết về việc quản lý, sử dụng hệ thống Phần mềm Quản lý thông tin các cơ sở kinh doanh karaoke, bar, vũ trường (không áp dụng đối với hoạt động kinh doanh bar trong các cơ sở lưu trú); trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng hệ thống Phần mềm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Văn phòng UBND thành phố;
- b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy;
- c) UBND các quận, huyện, phường, xã trên địa bàn thành phố;
- d) Các tổ chức, cá nhân trực thuộc các cơ quan quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Phần mềm Quản lý thông tin các cơ sở kinh doanh karaoke, bar, vũ trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng” là hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng theo mô hình ứng dụng website hỗ trợ cho việc quản lý xuyên suốt thông tin về các cơ sở kinh doanh karaoke, bar, vũ trường trên địa bàn thành phố bao gồm các cấu phần cơ bản sau: Quản lý giấy phép cơ sở kinh doanh; Quản lý biến động cơ sở kinh doanh; Quản lý thông tin xử phạt; Thống kê, báo cáo; Tiện ích; Quản lý phản ánh, kiến nghị, tra cứu văn bản quy phạm pháp luật.

b) “Dữ liệu” là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.

c) “Cơ sở dữ liệu” là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.

d) “Tích hợp dữ liệu” là quá trình thu thập, lưu trữ, liên kết các cơ sở dữ liệu tác nghiệp và điều hành; cung cấp và chia sẻ các thông tin chung; truyền tải các thông tin quản lý bao gồm thông tin các cơ sở kinh doanh, tạo lập các mẫu báo cáo, thống kê, mẫu đơn xử phạt ..., quản lý toàn bộ hoạt động của một cơ sở, cho phép tra cứu xem thông tin một cách đầy đủ, khoa học.

đ) “Tài khoản (Account)” gồm tên người dùng và mật khẩu do Cơ quan quản lý, vận hành Phần mềm cung cấp.

2. Từ viết tắt

a) “Phần mềm” là Phần mềm Quản lý thông tin các cơ sở kinh doanh karaoke, bar, vũ trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) “Cơ sở kinh doanh” là các cơ sở kinh doanh karaoke, bar, vũ trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

c) “Cơ quan quản lý nhà nước” gồm Văn phòng UBND thành phố, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy, UBND các quận, huyện, phường, xã và các cơ quan liên quan trong phối hợp quản lý, sử dụng Phần mềm Quản lý thông tin các cơ sở kinh doanh karaoke, bar, vũ trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Các cơ quan quản lý nhà nước được phân quyền có trách nhiệm thống kê, cập nhật, quản lý thông tin về quá trình hoạt động (gồm cấp phép, vi phạm hành chính và biến động) của từng cơ sở kinh doanh phân theo khu vực thuộc thành phố Đà Nẵng; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan cấp trên về tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực, chính xác của các thông tin mà cơ quan mình đăng tải trên Phần mềm.

2. Thông tin của từng cơ sở kinh doanh được đăng tải trên Phần mềm có giá trị pháp lý là thông tin gốc về cơ sở kinh doanh đó và phải được cập nhật chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ khi có thông tin phát sinh.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước được phân quyền có trách nhiệm thường xuyên truy cập vào Phần mềm để tự kiểm tra, cập nhật thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời về thông tin của các cơ sở kinh doanh.

4. Trước khi cập nhật lên Phần mềm, nội dung thông tin phải được Thủ

trường cơ quan quản lý nhà nước nơi cập nhật, đăng tải thông tin phê duyệt.

5. Tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước; bảo mật tuyệt đối các văn bản chứa nội dung và văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước của các bộ, ngành trung ương, địa phương quy định.

6. Trường hợp cần thiết theo quyết định của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Phần mềm ngừng hoạt động để kiểm tra, bảo trì hoặc nâng cấp về mặt kỹ thuật. Việc cập nhật, đăng tải thông tin lên Phần mềm trong thời gian Phần mềm ngừng hoạt động được thực hiện theo hướng dẫn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân lập trang thông tin điện tử, cổng thông tin có địa chỉ, tên gọi trùng hoặc gây nhầm lẫn với Phần mềm.

2. Nghiêm cấm các hành vi cản trở, ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận thông tin hoặc thay đổi, xóa, hủy, giả mạo, phá hoại, truy cập trái phép vào Phần mềm với bất kỳ hình thức nào, nếu vi phạm tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Nghiêm cấm các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp, tiết lộ tài khoản của Phần mềm cho các tổ chức, cá nhân bên ngoài và cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên không được phân công tham gia trực tiếp sử dụng Phần mềm tại cơ quan biết.

4. Nghiêm cấm các cơ quan quản lý nhà nước tự ý chỉnh sửa, xóa bỏ các thông tin đã đưa lên Phần mềm; trường hợp cần chỉnh sửa, xóa bỏ nội dung thông tin đã đăng tải thì Thủ trưởng cơ quan có văn bản đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc chỉnh sửa hoặc xóa bỏ.

5. Nghiêm cấm các hành vi khai thác, sử dụng thông tin trên Phần mềm vào mục đích trái pháp luật hoặc chưa có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 5. Ngôn ngữ và bộ mã tiếng Việt sử dụng trong Phần mềm

1. Ngôn ngữ chính thức được dùng trên Phần mềm là tiếng Việt.

2. Bộ mã tiếng Việt sử dụng trên Phần mềm là bộ mã tiếng Việt chuẩn theo pháp luật hiện hành (unicode, TCVN 6909:2001).

Điều 6. Địa chỉ truy cập

Địa chỉ truy cập Phần mềm: <http://bkv.danang.gov.vn>

Đối với mỗi đối tượng tham gia quản lý, sử dụng Phần mềm sẽ có tài khoản truy cập riêng do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp.

Điều 7. Chức năng của Phần mềm

Tích hợp dữ liệu, quản lý thông tin và phân quyền quản lý, khai thác thông tin về quá trình hoạt động (gồm cấp phép, vi phạm hành chính và biến động) của từng cơ sở kinh doanh phân theo địa bàn khu vực thuộc thành phố Đà Nẵng, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động karaoke, bar, vũ trường, cụ thể như sau:

1. Cho phép cập nhật, chỉnh sửa, xóa bỏ và truy xuất cụ thể thông tin đăng ký của từng cơ sở kinh doanh gồm: Người đại diện theo pháp luật hoặc chủ cơ sở kinh doanh; địa chỉ kinh doanh; tên, biển hiệu kinh doanh; số phòng được sử dụng kinh doanh; số, loại giấy phép; cơ quan cấp.

2. Cho phép cập nhật, chỉnh sửa, xóa bỏ và truy xuất thông tin cụ thể về xử lý vi phạm hành chính của từng cơ sở kinh doanh gồm: số lần xử lý, hình thức xử lý, cơ quan xử lý.

3. Cho phép cập nhật, chỉnh sửa, xóa bỏ và truy xuất thông tin cụ thể về biến động của từng cơ sở kinh doanh gồm: tạm nghỉ, thời gian gia hạn giấy phép và những thông tin liên quan khác.

4. Cho phép truy xuất báo cáo thống kê về các cơ sở kinh doanh phân theo khu vực, tuyến đường gồm: thông tin đăng ký cơ sở kinh doanh, thông tin xử lý vi phạm hành chính trong khoảng thời gian nhất định, thông tin biến động.

5. Cho phép tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân liên quan đến hoạt động và công tác quản lý các cơ sở kinh doanh; tra cứu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh karaoke, bar, vũ trường trên Phần mềm.

Điều 8. Chế độ bảo trì, nâng cấp

Việc kiểm tra, bảo trì, nâng cấp máy chủ, thiết bị và các hoạt động khác phải thực hiện thường xuyên để đảm bảo Phần mềm hoạt động liên tục, ổn định, an toàn và hiệu quả.

Chương II

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG PHỐI HỢP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ THÔNG TIN CÁC CƠ SỞ KINH DOANH KARAOKE, BAR, VŨ TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Điều 9. Phân quyền quản lý, sử dụng hệ thống Phần mềm

1. UBND thành phố thống nhất việc quản lý, sử dụng hệ thống Phần mềm để chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc.

2. Văn phòng UBND thành phố có quyền tra cứu, truy xuất toàn bộ thông tin đăng tải trên Phần mềm.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền cập nhật, chỉnh sửa, xóa bỏ, tra cứu, truy xuất, xử lý toàn bộ thông tin đăng tải, quản trị người dùng và tài khoản người dùng trên hệ thống Phần mềm.

4. Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan có quyền cập nhật, tra cứu, truy xuất, xử lý các thông tin thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn mình quản lý.

Điều 10. Trách nhiệm quản lý, sử dụng hệ thống Phần mềm

1. Văn phòng UBND thành phố có trách nhiệm thường xuyên tra cứu, truy xuất thông tin trên Phần mềm để tham mưu, báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND thành phố.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan trực tiếp quản lý, tham mưu vận hành Phần mềm Quản lý thông tin các cơ sở kinh doanh karaoke, bar, vũ trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, có trách nhiệm:

a) Tham mưu xây dựng, triển khai hệ thống Phần mềm cho các cơ quan quản lý nhà nước liên quan trên địa bàn thành phố, đảm bảo thực hiện thống nhất, đồng bộ, tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phần mềm và yêu cầu của cấp trên; hướng dẫn cho các cơ quan liên quan sử dụng Phần mềm.

b) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan liên quan sử dụng và quản lý hoạt động của phần mềm theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.

c) Cập nhật, đăng tải thông tin về cấp phép và xử lý vi phạm hành chính các cơ sở kinh doanh karaoke, bar, vũ trường thuộc thẩm quyền lên Phần mềm.

d) Cập nhật, đăng tải kịp thời lên Phần mềm các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

đ) Xem xét, quyết định chỉnh sửa hoặc xóa bỏ nội dung thông tin đã đăng tải trên Phần mềm khi nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì cập nhật thông tin đó. Thời hạn xử lý chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị.

e) Tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân thuộc lĩnh vực phụ trách theo đúng quy định nhà nước.

ê) Tổ chức vận hành, bảo trì, nâng cấp Phần mềm kịp thời, bảo đảm việc vận hành Phần mềm liên tục, hiệu quả; kịp thời hỗ trợ, ứng cứu sự cố kỹ thuật cho các cơ quan liên quan khi sử dụng; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin tránh bị xâm nhập trái phép từ bên ngoài nhằm phá hoại, làm lộ thông tin trên Phần mềm.

g) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo hiệu quả sử dụng Phần mềm cho Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ 6 tháng và năm, từ đó tham mưu việc chỉnh sửa, nâng cấp hệ thống nhằm đáp ứng nhu cầu công việc của các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố.

h) Lập dự toán kinh phí hàng năm cho việc quản lý, vận hành và nâng cấp Phần mềm.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan có trách nhiệm:

a) Cập nhật, đăng tải thông tin về cấp phép và xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, địa bàn phụ trách lên Phần mềm. Thường xuyên rà soát thông tin các cơ sở kinh doanh thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý; thông báo kịp thời bằng văn bản cho cơ quan trực tiếp quản lý vận hành, sử dụng Phần mềm (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) những thông tin cần chỉnh sửa, xóa bỏ (nếu có) trên Phần mềm và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời những thông tin đó.

b) Cập nhật, đăng tải kịp thời lên Phần mềm các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

c) Tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân thuộc lĩnh vực phụ trách theo đúng quy định nhà nước.

d) Sử dụng hệ thống Phần mềm theo tài khoản được cấp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công; bảo mật tài khoản được cấp, đảm bảo an toàn thông tin; trường hợp bị mất tài khoản phải báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để khắc phục.

đ) Thực hiện báo cáo tình hình sử dụng Phần mềm và báo cáo chuyên môn khi nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Phương thức quản lý, sử dụng Phần mềm

1. Thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước phân công từ 1 đến 2 cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế đơn vị trực tiếp cập nhật, đăng tải thông tin thuộc lĩnh vực quản lý lên Phần mềm bằng tài khoản được cấp.

2. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngoài việc thực hiện khoản 1 Điều này, có trách nhiệm phân công Phòng Nghiệp vụ Văn hóa thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là đơn vị thường trực theo dõi, tham mưu quản lý, sử dụng Phần mềm và phân công 1 cán bộ, công chức phụ trách công nghệ thông tin trong biên chế cơ quan có trách nhiệm quản trị, vận hành hệ thống Phần mềm, hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố đảm bảo cho hệ thống vận hành thông suốt, an toàn.

Điều 12. Kinh phí thực hiện quản lý, sử dụng Phần mềm

1. Kinh phí thực hiện quản lý, vận hành, sử dụng, nâng cấp Phần mềm được đảm bảo bằng kinh phí hoạt động hàng năm của thành phố.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định và tham mưu UBND thành phố cấp kinh phí hoạt động hàng năm cho Phần mềm.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Khen thưởng

Các cơ quan, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế, góp phần phát triển hệ thống Phần mềm được xét khen thưởng theo quy định.

Điều 14. Xử lý vi phạm

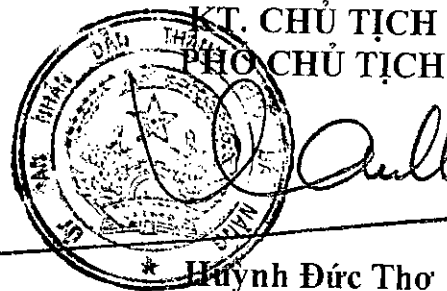
1. Mọi hành vi vi phạm Quy chế sẽ bị xử lý theo quy định; nếu vi phạm gây thiệt hại đến tài sản, thiết bị, thông tin trên Phần mềm thì còn phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Các hành vi truy cập Phần mềm không hợp pháp như: sử dụng tài khoản đăng nhập khi chưa được phép, tấn công từ bên ngoài... sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, mọi vướng mắc phát sinh đề nghị thông báo về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Thơ